

MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1040 /QĐ-ĐHNN ngày 15 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng)

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

1.	Tên chương trình đào tạo (tên tiếng Việt)	Sư phạm Tiếng Anh
2.	Tên chương trình đào tạo (tên tiếng Anh):	Bachelor of Arts in English Language Teaching
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Mã ngành đào tạo:	7140231
5.	Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT, hoặc tương đương theo Quy định hiện hành.
6.	Thời gian đào tạo:	4 năm
7.	Loại hình đào tạo:	Chính quy
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	140 tín chỉ
9.	Thang điểm:	Thang 4
10.	Điều kiện tốt nghiệp:	Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập. Hoàn thành CTĐT, đạt GPA tối thiểu 2.0, đạt Chuẩn về ngoại ngữ 1 bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương theo quy định, đạt ngoại ngữ 2 bậc 3 theo Khung NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương theo quy định, có chứng chỉ GDTC, chứng chỉ GDQP-AN, chứng chỉ Tin học theo quy định.
11.	Văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Cử nhân
12.	Vị trí việc làm:	Giáo viên tiếng Anh các bậc phổ thông; Giảng viên tiếng Anh tại các trường đại học, cao đẳng; Cán bộ chuyên trách tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục, tổ chức giáo dục; Cán bộ chuyên trách về dịch thuật tại các cơ quan phục vụ đối ngoại, các đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp; Khởi nghiệp cung cấp các dịch vụ giáo dục liên quan đến giảng dạy tiếng Anh

13.	Khả năng nâng cao trình độ:	Theo học chương trình đào tạo sau đại học các ngành đúng và ngày gần (Lý luận và Phương pháp Giảng dạy Bộ môn tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Ứng dụng (Applied Linguistics) hoặc TESOL tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước).
14.	Chương trình đào tạo tiên tiến đã tham khảo	Chương trình <i>Cử nhân Sư phạm tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội</i> và <i>Chương trình Cử nhân TESOL, Đại học Auckland, New Zealand</i>

B. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PROGRAM OBJECTIVES – POS)

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Sư phạm tiếng Anh của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng đào tạo Cử nhân chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh có đủ kiến thức và năng lực ngôn ngữ và liên văn hóa; có kiến thức và năng lực chuyên môn nghiệp vụ giảng dạy; có thái độ, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong sư phạm, có tinh thần trách nhiệm cao, có năng lực tư duy, tự chủ, sáng tạo; có khả năng giảng dạy tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục, các trường đại học, cao đẳng, các trường trung học, tiểu học và trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh; có khả năng thích ứng cao trong môi trường nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- **PO1:** có nền tảng kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp và tác nghiệp thành công trong môi trường xã hội và nghề nghiệp (**Graduates having comprehensive knowledge in aspects of the English language for successful communication in social and professional work environment**).

- **PO2:** có năng lực tiếng Anh ở trình độ cao để giao tiếp hiệu quả trong môi trường xã hội và nghề nghiệp (**Graduates having a high level of English proficiency to become competent users of English in social and professional work environment**)

- **PO3:** có kiến thức và năng lực sư phạm để giảng dạy tiếng Anh và phát triển nghề nghiệp (**Graduates having pedagogical competence in teaching English, leading to a successful teaching career**).

- **PO4:** có đạo đức nghề nghiệp và có trách nhiệm học tập suốt đời, bồi dưỡng chuyên môn để phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội (**Graduates having professional ethics and responsibility towards lifelong learning for personal and professional growth, and for the betterment of the society**).

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PROGRAM LEARNING OUTCOMES - PLOS)

Người học sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành **SƯ PHẠM TIẾNG ANH** của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng có thể:

- **PLO1 -THÔNG THẠO** tiếng Anh trên các bình diện ngữ âm, ngữ pháp, hình thái, ngữ pháp, cú pháp và ngữ nghĩa (**DEMONSTRATE a good command of English language in aspects of phonology, morphology, grammar, syntax, and semantics**)
 - PI 1.1: **IDENTIFY** elements of English language – grammar, vocabulary, and pronunciation

- PI 1.2: **DEMONSTRATE** knowledge of English language skills – Listening, Speaking, Reading, and Writing.
- PI 1.3: **DISPLAY** knowledge of English discourse and text to synthesize sentences and construct meaning in communication
- **PLO2 - PHÂN TÍCH** cấu trúc và cách tạo từ ngữ, văn bản tiếng Anh từ góc độ ngữ âm, ngữ pháp, hình thái, ngữ pháp, cú pháp và ngữ nghĩa (**ANALYSE the structure and building of English words and texts in aspects of phonology, morphology, grammar, syntax, and semantics**)
 - PI 2.1: **ANALYSE** the structure and functions of English morphemes, words, phrases, clauses, and sentences.
 - PI 2.2: **APPLY** spoken texts in communication and message transfer.
 - PI 2.3: **APPLY** written texts in communication and message transfer.
- **PLO3 - THỂ HIỆN** năng lực liên văn hóa để giao tiếp và tác nghiệp thành công trong môi trường xã hội và nghề nghiệp (**EXHIBIT intercultural competence for successful communication in social and professional environment**)
 - PI 3.1: **ACQUIRE** cultural and literary values in relevant contexts for successful communication.
 - PI 3.2: **DISPLAY** knowledge of English culture and cross culture for successful communication.
 - PI 3.3: **APPLY** intercultural competence in social and professional communication.
- **PLO4 - GIAO TIẾP** hiệu quả bằng tiếng Anh trong môi trường xã hội và nghề nghiệp (**COMMUNICATE effectively in English in social and professional environment**)
 - PI 4.1: **COMMUNICATE** effectively in English in social situations.
 - PI 4.2: **COMMUNICATE** effectively in English in professional environment.
- **PLO5 – CÓ KIẾN THỨC** về các vấn đề lý luận dạy học tiếng Anh - người học, thụ đắc ngôn ngữ, cách tiếp cận dạy và học, và kiểm tra đánh giá trong ngoại ngữ (**DISPLAY a good mastery of English language pedagogy in aspects of language learners, language acquisition, approaches to English language teaching and assessment**)
 - PI 5.1: **EXPLAIN** the nature of language learning, characteristics of learners and learning styles.
 - PI 5.2: **IDENTIFY** approaches and methods in language teaching
 - PI 5.3: **WRITE** the framework for syllabus design and items for language tests.
- **PLO6 - TỔ CHỨC** giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ cho các đối tượng người học có các nhu cầu khác nhau (**ORGANISE the teaching of English as a foreign language to learners of diverse needs**)
 - PI 6.1: **DESIGN** lesson plans and assessment tools for English language classes.
 - PI 6.2: **ORGANIZE** instructional activities for successful delivery of English lessons.
 - PI 6.3: **USE** appropriate technologies in designing and delivering course contents.
- **PLO7 - THỰC HIỆN** các đề án học tập, nghiên cứu, và khởi nghiệp liên quan đến các lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa và lý luận và thực hành dạy-học tiếng Anh (**CONSTRUCT projects (learning – research - entrepreneurship) on areas relating to English language and culture, English language teaching and educational practice**)
 - PI 7.1: **DESIGN** a learning/research/entrepreneurship project in relevance to English language and culture, English language teaching and educational practice.
 - PI 7.2: **IMPLEMENT** a learning/research/entrepreneurship project in relevance to English language and culture, English language teaching and educational practice.



- **PLO8 - THỂ HIỆN** năng lực CNTT, năng lực học tập suốt đời hướng tới sự phát triển bản thân, trau dồi chuyên môn, phát triển nghề nghiệp (**DEMONSTRATE ICT competency and an ability to practise lifelong learning for personal and professional development**)
 - PI 8.1: **ACQUIRE** and **APPLY** new knowledge in languages, computer literacy and digital competence for personal and professional learning and development.
 - PI 8.2: **DEMONSTRATE** self-reflective and autonomous learning for the pursuit of professional development.
 - PI 8.2: **EXHIBIT** critical and creative thinking in pursuit of professional development.
- **PLO9 - THỂ HIỆN** trách nhiệm dân sự và đạo đức nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm nhằm thích ứng hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp luôn thay đổi (**SHOW professional ethics and civic responsibility, and an ability to work independently as well as in a team to fully adapt to the challenging world of work**)
 - PI 9.1: **SHOW** awareness of professional ethics and civic responsibility in taking teaching assignments and other educational work and service.
 - PI 9.2: **WORK** productively as an individual with initiatives to work independently
 - PI 9.3: **WORK** productively in a team with joint problem-solving and decision-making.

III. MA TRẬN MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của CTĐT (POs)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
<p>Mục tiêu chung - Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Sư phạm tiếng Anh của Trường ĐHNN-- ĐHĐN đào tạo Cử nhân ngành Sư phạm tiếng Anh có đủ kiến thức và năng lực ngôn ngữ và liên văn hóa; có kiến thức và năng lực chuyên môn nghiệp vụ giảng dạy; có thái độ, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong sư phạm, có tinh thần trách nhiệm cao, có năng lực tư duy, tự chủ, sáng tạo; có khả năng giảng dạy tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục, các trường đại học, cao đẳng, các trường trung học, tiểu học và trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh; có khả năng thích ứng cao trong môi trường nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.</p>										
Mục tiêu cụ thể:										
PO1.	có nền tảng kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp và tác nghiệp thành công trong môi trường xã hội và nghề nghiệp (Graduates having comprehensive knowledge in aspects of the English language for successful communication in social and professional work environment)	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
PO2.	có năng lực tiếng Anh ở trình độ cao để giao tiếp hiệu quả trong môi trường xã hội và nghề nghiệp (Graduates having a high level of English proficiency to become competent users of English in	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

	social and professional work environment)												
PO3.	có kiến thức và năng lực sư phạm để giảng dạy tiếng Anh và phát triển nghề nghiệp (Graduates having pedagogical competence in teaching English, leading to a successful teaching career).		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
PO4.	có đạo đức nghề nghiệp và có trách nhiệm thực hiện học tập suốt đời, bồi dưỡng chuyên môn để phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội (Graduates having professional ethics and responsibility towards lifelong learning for personal and professional growth, and for the betterment of the society).			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

IV. ĐỐI SÁNH CDR CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA VIỆT NAM, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC (BẠC 6):

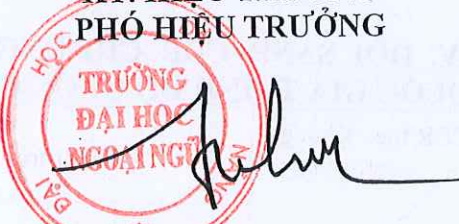
CDR theo Khung trình độ QG	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
Chuẩn đầu ra CTĐT															
PLO 1	✓					✓				✓		✓		✓	
PLO 2	✓					✓				✓		✓		✓	
PLO 3		✓				✓		✓		✓		✓	✓		
PLO 4		✓		✓		✓		✓		✓		✓	✓		
PLO 5	✓	✓			✓			✓	✓			✓		✓	
PLO 6	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓
PLO 7	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
PLO 8		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓
PLO 9		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
Bậc 6 (Đại học)		
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp. KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu

<p>tạo.</p> <p>KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.</p> <p>KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.</p> <p>KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.</p> <p>KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.</p>	<p>KN3: Kỹ năng phân biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.</p> <p>KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.</p> <p>KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.</p> <p>KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.</p>	<p>trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.</p> <p>TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.</p> <p>TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p> <p>TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.</p>
--	--	--

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Nguyễn Văn Long